

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

2. Ông **Lê Thành Tam**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi thường trú ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Vào năm 2017, bà và ông Nguyễn Thanh P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 3 năm 2017. Bà K cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến tháng 6 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên gây cãi. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên người đã ly thân từ đó đến nay. Bà K xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung bà K xác định bà và ông P có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 28/10/2018, hiện đang sống với ông P. Khi ly hôn bà K đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và bà K không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà K đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số: 33, ngày 27 tháng 3 năm 2017 (bản chính) và 01 (một) giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Như Ý (bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông P biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà K. Nhưng ông P không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 31 tháng 10 năm 2024; ngày 18 tháng 11 năm 2024; phiên tòa ngày 05 tháng 12 năm 2024 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập họp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn ông P có nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông P đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông P là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2017, bà K và ông P kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 3 năm 2017. Vì vậy hôn nhân của bà K và ông P là hợp pháp.

Xét; việc bà K cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên gây cãi. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay bà K xác định bà không còn tình cảm với ông P và hai người đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ,

phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét, từ khi bà K và ông P ly thân đến nay thì người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý do ông P nuôi dưỡng, Nguyễn Ngọc Như Ý vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Vì vậy, xét việc bà K đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 28/10/2018 cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị K có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005937 ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy bà Nguyễn Thị K không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tấn Đồng

